

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 10/12/2021  
“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào Vi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;
2. Ông Nguyễn Hữu Trục.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa 220/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: 8/57 Phạm Đình Hồ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Phòng 310, tầng 3, khu chung cư Đồng Đa, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Liên H, sinh năm 1973; Địa chỉ: 8/57 Phạm Đình Hồ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2021, bản tự khai ngày 20/7/2021 của anh Trương Văn T và bản tự khai của chị Nguyễn Thị Liên H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của anh Trương Văn T, chị Nguyễn Thị Liên H tại phiên tòa đã xác định như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 12/8/2002 tại Ủy ban nhân dân phường T,

thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh Trương Văn T tại 08/57 Phạm Đình Hồ, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống theo lời khai của anh T thì vợ chồng sống bình thường đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H mê đánh bài, dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Quá trình sống ly thân thì vợ chồng không liên lạc gì với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Vì vậy nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T gửi đơn xin được ly hôn với chị H.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Liên H trình bày: Về thời điểm vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay thì vợ chồng không sống chung với nhau do anh T dọn ra ngoài ở riêng, nguyên nhân vợ chồng không sống chung với nhau là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, anh T có tình cảm với người phụ nữ khác, ngoại tình. Chị H cho rằng anh T thích sống bên ngoài chị không ngăn cản nhưng chị không đồng ý ly hôn vì không muốn gia đình, con cái không có cha.

Về con chung: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H xác nhận, vợ chồng có ba con chung tên là Trương Quốc V, sinh ngày 18-8-1999; Trương Thị Liên N, sinh ngày 24/4/2001 và Trương Quốc V1, sinh ngày 20/9/2003. Hiện nay cả ba con chung đang ở với chị H. Khi gửi đơn ly hôn anh Trương Văn T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Quốc V1 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Còn đối với cháu Trương Quốc V đã đủ tuổi trưởng thành thì không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, cháu Quốc Vũ đã đủ 18 tuổi, nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng, cả ba con chung đều đã trưởng thành nên các con muốn ở với ai tùy các cháu quyết định.

- Về tài sản: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 13/8/2021 và ngày 22/10/2021 cho chị Nguyễn Thị Liên H, tuy nhiên chị H đều vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/10/2021. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho chị H nhưng chị H vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định lại thời gian xét xử. Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần 2 được tổng đạt hợp lệ cho chị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Liên H không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ch đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì cần khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014, xử theo hướng chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, xử cho anh Trương Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Liên H; Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H đều có hộ khẩu và cư trú tại 8/57 Phạm Đình Hổ, phường Thuận Lộc, thành phố Huế, anh T gửi đơn xin ly hôn chị H tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã thụ lý vụ án Hôn nhân và Gia đình là đảm bảo các quy định về thẩm quyền tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H xác nhận chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của anh T, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của anh T, chị H tại phiên tòa, quá trình Tòa án điều tra, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, xác minh ý kiến của đại diện gia đình anh T, xác minh ý kiến của địa p H nơi nơi vợ chồng cư trú có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Quá trình sống ly thân giữa anh T và chị H không còn quan tâm, yêu thương nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải mục đích hàn gắn quan hệ vợ chồng của hai người nhưng nhiều lần chị H không đến Tòa án. Tại phiên tòa, chị H không đồng ý ly hôn anh T nhưng không có biện pháp hữu hiệu để anh T quay về nhà chung sống và hàn gắn tình cảm của vợ chồng trong khi anh T thì khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau vì quá nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nhận thấy vợ chồng anh T, chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội

đồng xét xử chấp nhận xử cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung : Quá trình giải quyết vụ án anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Quốc V1 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay cả ba con chung của vợ chồng đều đã đủ tuổi trưởng thành, các cháu có nguyện vọng được ở với ai là tùy các cháu quyết định. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung.

[4] Về Tài sản chung: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét

[5] Về nợ chung: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Liên H; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H xác nhận, vợ chồng có ba con chung tên là Trương Quốc V, sinh ngày 18/8/1999; Trương Thị Liên N, sinh ngày 24/4/2001 và Trương Quốc V1, sinh ngày 20/09/2003. Hiện nay cả ba con chung đang ở với chị H. Cả ba con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị Liên H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Trương Văn T chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2016/0002935 ngày 09 tháng 07 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- UBND phường T  
, TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào Vi**